| TOÀ ÁN NHÂN DÂN<br>HUYỆN BÀU BÀNG<br>TỈNH BÌNH DƯƠNG | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
|---|---|

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-7-2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Ông Phạm Anh Duy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Long Giang;

Ông Nguyễn Văn Độ.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mai Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Chí T, sinh năm 1999; địa chỉ: tổ B, ấp V, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Võ Thị Kiều L, sinh năm 2002; nơi thường trú: số G, Phạm Thế H, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi tạm trú: lô D, đường D, tổ A, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Lê Chí T trình bày:*

Ông Lê Chí T và bà Võ Thị Kiều L tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới và đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương vào năm 2020. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, cả hai không có tiếng nói chung xuất phát từ việc tính tình vợ chồng không còn hợp nhau. Bà L không còn chăm nom gia đình như lúc mới kết hôn. Hiện nay, ông T và bà L không còn sống chung với nhau. Nhận thấy, hôn nhân không hạnh

phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Lê Chí T yêu cầu ly hôn với bà Võ Thị Kiều L.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Kiều Khả V, sinh ngày 18/11/2018. Ông T yêu cầu giao cháu V cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Ông Thông đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*Tại bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn bà Võ Thị Kiều L trình bày:*

Bà Võ Thị Kiều L và ông Lê Chí T là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương vào năm 2020. Quá trình chung sống thời gian đầu ông T và bà L sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, hiện ông T và bà L đã sống ly thân. Nay ông T yêu cầu ly hôn thì bà L đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Kiều Khả V, sinh ngày 18/11/2018. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà L có nơi tạm trú tại thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt các đương sự theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Lê Chí T và bà Võ Thị Kiều L chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 55 ngày 12/11/2020 tại Ủy ban nhân dân xã

L, huyện D, tỉnh Bình Dương nên hôn nhân của ông T và bà L là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cả hai không có tiếng nói chung xuất phát từ việc tính tình vợ chồng không còn hợp nhau. Hiện nay, ông T và bà L không còn sống chung với nhau. Ông T và bà L đều có ý kiến thông nhất đồng ý ly hôn. Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm chăm sóc lẫn nhau, việc ông T và bà L là vợ chồng nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn cùng chia sẻ, thực hiện các công việc chung trong gia đình như vậy đã vi phạm nghiêm trọng đến quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Kiều Khả V, sinh ngày 18/11/2018. Xét thấy, ông T và bà L đều thống nhất giao cháu V cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng nên yêu cầu về con chung của ông T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng: Bà Võ Thị Kiều L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T, bà L không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Chí T đối với bị đơn bà Võ Thị Kiều L về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

- Về hôn nhân: Ông Lê Chí T được ly hôn với bà Võ Thị Kiều L.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Kiều Khả V, sinh ngày 18/11/2018 cho bà Võ Thị Kiều L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng

việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng: Bà Võ Thị Kiều L không yêu cầu ông Lê Chí T nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Chí T, bà Võ Thị Kiều L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**2.** Về án phí: Ông Lê Chí T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003427 ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

**3.** Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- UBND xã Long Tân, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án (nếu có
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Anh Duy**